

THƯ MỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU TÀI CHÍNH KẾ TOÁN SỐ 3 NĂM 2017

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán số 3 năm 2017.

1. Giải pháp phát triển thị trường khoa học công nghệ ở Việt Nam/ Lương Thanh Hải// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 5 – 8

Tóm tắt: Có thể nói chuyển giao công nghệ là con đường ngắn nhất để Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động sản xuất và kinh doanh thời gian quá còn gặp không ít khó khăn. Thời gian qua, sự gắn kết các tổ chức KH&CN với doanh nghiệp có nhiều hạn chế vì giữa nhà khoa học và doanh nhân luôn có khoảng cách, bởi hai tinh thần, hai mục tiêu khác nhau. Các nhà khoa học luôn muốn khoa học vì khoa học, còn doanh nghiệp muốn làm thế nào để có lợi nhuận. Bộ KH&CN đã đưa ra nhiều chính sách khuyến khích như: tổ chức các hoạt động xúc tiến gắn kết các nhà khoa học với sản xuất – kinh doanh, xúc tiến phát triển thị trường công nghệ. Bài viết sẽ đề cập đến việc phát triển thị trường khoa học công nghệ và đưa ra một số giải pháp cụ thể.

Từ khóa: Chuyển giao công nghệ; Thị trường khoa học công nghệ; Sản phẩm trí tuệ

2. Xử lý nợ xấu – Nhiều vướng mắc về pháp lý trong xử lý tài sản đảm bảo/ Thân Như Hà// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 9 – 12

Tóm tắt: Trong 5 năm qua, từ mốc 9/2012 đến nay, việc xử lý nợ xấu đã đạt được kết quả đáng kể; một phần lớn được bán sang VAMC, nhưng phần lớn hơn đã được các tổ chức tín dụng tự xử lý với lượng lớn từ nguồn trích lập dự phòng rủi ro. Hạn chế nhất trong kết quả xử lý nợ xấu 5 năm qua là ở hướng bán, phát mại tài sản đảm bảo, không đạt hiệu quả và chỉ dừng lại ở con số rất nhỏ (chỉ được 16.041 tỷ đồng). Đây cũng là một thực tế lý giải vì sao nhiều năm qua các tổ chức tín dụng vẫn luôn phản ánh gặp nhiều khó khăn về những vướng mắc pháp lý, hay khó khăn trong việc triển khai, phối hợp với các ban ngành chức năng khi tiến hành xử lý tài sản đảm bảo. Bài viết sẽ tóm tắt thực trạng nợ xấu trong 5 năm qua nêu những khó khăn vướng mắc và đưa ra một số giải pháp với mong muốn công tác xử lý nợ xấu ngày một hoàn thiện hơn.

Từ khóa: Nợ xấu; Công ty Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC); tài sản đảm bảo

3. Chính sách tiền tệ với mục tiêu kiểm soát lạm phát ở Việt Nam/ Trần Đức Trung// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 13 – 17

Tóm tắt: Thời gian qua, nhờ triển khai đồng bộ và quyết liệt nhiều biện pháp, chính sách tiền tệ (CSTT) đã đạt được những kết quả tích cực. Song bên cạnh đó, CSTT vẫn bộc lộ những hạn chế. Việc chỉ rõ nguyên nhân và đề xuất các giải pháp là cần thiết đối với thực tiễn ở Việt Nam.

Từ khóa: Lãi suất; chính sách tiền tệ; Lạm phát

4. Giải bài toán an sinh xã hội qua các thuyết hiệu quả và công bằng/ Ngô Thanh Hoàng// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 18 – 23

Tóm tắt: An sinh xã hội (ASXH) là một bài toán mà mọi quốc gia trên thế giới hiện nay phải đối mặt, để giải quyết bài toán này có nhiều cách giải dựa trên cách tiếp cận khác nhau về ASXH. ASXH có hai nguyên nhân cơ bản là từ nguyên nhân chủ quản như hiệu quả phân phối và công bằng trong kinh tế, sự méo mó của kinh tế thị trường, quản lý xã hội không tốt và nguyên nhân khách quan như thiên tai, dịch họa,...Sau nữa tác giả khái quát về lý luận cơ bản về ASXH; tìm ra nguyên nhân, sự gắn kết giữa ASXH với vấn đề hiệu quả và công bằng, đánh giá vấn đề ASXH hiện nay trên thế giới và trọng yếu là ở Việt Nam; từ đó đề xuất cách giải quyết vấn đề ASXH trong thời gian tới.

Từ khóa: An sinh xã hội; Thuyết hiệu quả và công bằng; Học thuyết kinh tế

5. Vận dụng kế toán dự phòng các hợp đồng có rủi ro lớn theo Chuẩn mực kế toán quốc tế số 37/ Đỗ Minh Thoa// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 24 – 26

Tóm tắt: Với xu hướng hội nhập với nền kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam đã và đang tham gia vào hàng loạt các Hiệp định Quốc tế, hội nhập với nền kinh tế thế giới. Do vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh, các hoạt động tài chính, các giao dịch kinh tế phát sinh của doanh nghiệp ngày càng trở nên phức tạp hơn. Việc hiểu và vận dụng đúng đắn nội dung theo hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/IFRS) do IASC (Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế) và IASB (Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế) ban hành đặt ra yêu cầu cần thiết ở Việt Nam hiện nay. Rất nhiều thuật ngữ trong IAS 37 chưa được các doanh nghiệp hiểu đúng, do vậy việc vận dụng chuẩn mực này đã gặp nhiều khó khăn dẫn tới tình trạng các doanh nghiệp bỏ qua việc lập dự phòng nợ phải trả, từ đó đã ảnh hưởng không nhỏ tới chính sách tài chính và kế hoạch xây dựng nguồn lực của doanh nghiệp. Bài viết đưa ra một số tình huống tác giả trao đổi về các vận dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế số 37 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng trong trường hợp phát sinh hợp đồng có rủi ro lớn với mong muốn giúp cho thực tế doanh nghiệp có thể dễ dàng hơn trong việc xác định và trích lập các khoản dự phòng nợ phải trả.

Từ khóa: Chuẩn mực kế toán quốc tế; IAS 37 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng

6. Vấn đề xã hội hóa và phát triển thị trường dịch vụ y tế Việt Nam/ Đoàn Ngọc Thủy Tiên// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 27 – 31

Tóm tắt: Sau hơn 30 năm đất nước ta thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế, nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội đã thực sự vươn lên một tầm cao mới và có khả năng thích ứng và cạnh tranh ngày càng cao không chỉ ở thị trường trong nước mà còn vươn tầm ra thị trường khu vực và thế giới, trong đó lĩnh vực y tế có được sự phát triển vượt bậc; đặc biệt là chuyên môn đã tiếp cận các tiên bộ khoa học tiên tiến của thế giới trong việc ứng dụng kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân, mỗi gia đình và cả cộng đồng, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt về chuyên môn và kỹ thuật. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dịch vụ chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Bài viết này xin được trao đổi xung quanh chủ đề “Xã hội hóa và phát triển thị trường dịch vụ y tế Việt Nam”

Từ khóa: Dịch vụ y tế; Xã hội hóa dịch vụ; Dịch vụ chăm sóc sức khỏe

7. Cơ chế tiền lương trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh – Thực trạng và giải pháp/ Nguyễn Văn Phòng, Trần Anh Chung// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 32 – 34

Tóm tắt: Khu vực sự nghiệp công lập có vai trò quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ thiết yếu cơ bản cho nhân dân, bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Số người làm việc trong khu vực sự nghiệp công và quỹ lương chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng số đối tượng hưởng lương và trợ cấp từ NSNN, nên việc đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính và tiền lương có vai trò đặc biệt quan trọng và có tính chất quyết định đối với quá trình cải cách tiền lương nước ta. Điều này không phải là ngoại lệ đối với Quảng Ninh, một tỉnh lớn, với khoảng 172 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và trong đó có khoảng trên 8.300 lao động làm việc tại các đơn vị này. Và đặc biệt, quá trình triển khai đề án 25 về Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế thì cải cách cơ chế tiền lương và cơ cấu lại bộ máy hoạt động ở các đơn vị sự nghiệp công lập là điều cần thiết phải được coi trọng.

Từ khóa: Cơ chế tài chính; Đơn vị sự nghiệp công lập; Chính sách tiền lương

8. Kế toán một số tình huống về thu nhập, chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp/ Dương Xuân Thao// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 35 – 37

Tóm tắt: Hiện nay, việc xử lý các tình huống kế toán về thu nhập, chi phí và thuế thu nhập rất phức tạp, một số kế toán các doanh nghiệp còn gặp nhiều lúng túng và xử lý

hạch toán không đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, vừa thừa vừa thiếu không hạch toán ngắn gọn nhưng đầy đủ. Ở bài viết này xin trao đổi thêm một số tình huống về thu nhập, chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Từ khóa: Tình huống kế toán; Kế toán doanh nghiệp; Thanh lý tài sản; Nghiệp vụ phát sinh

9. Tự chủ tài chính, hội tụ kế toán quốc tế và yêu cầu cải tiến chất lượng thông tin trên hệ thống báo cáo tài chính - ứng dụng cho các trường trung học chuyên nghiệp công lập Việt Nam/ Đỗ Ngọc Trâm// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 38 – 41

Tóm tắt: Báo cáo tài chính tuy ở giai đoạn cuối cùng của quy trình công tác kế toán nhưng lại có ý nghĩa vô cùng quan trọng, ảnh hưởng mang tính quyết định đến toàn bộ công tác kế toán. Bởi lẽ “giá trị” tất cả công việc nhận biết – đo lường – tính toán – ghi chép và tổng hợp thông tin kế toán tùy thuộc vào “giá trị” của thông tin mà kế toán cung cấp cho đối tượng sử dụng. Báo cáo tài chính của các trường trung học chuyên nghiệp công lập cũng giống như các đơn vị sự nghiệp công lập khác đang được lập và sử dụng theo quy định thống nhất của Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp hiện hành. Tuy nhiên, mức độ trình bày và công bố thông tin trên hệ thống báo cáo này đang dần thể hiện nhiều bất cập trong điều kiện hội tụ kế toán công quốc tế và thay đổi cơ chế quản lý tài chính nhà nước theo hướng tăng cường tự chủ và xã hội hóa dịch vụ công. Ở bài viết này tác giả nghiên cứu trao đổi về việc hoàn thiện báo cáo tài chính của các trường trường trung học chuyên nghiệp công lập nói riêng và của các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung nhằm giúp đáp ứng yêu cầu tự chủ tài chính và hội tụ kế toán quốc tế.

Từ khóa: Báo cáo tài chính; Kế toán; Sự nghiệp công lập

10. Nhận diện về thực trạng tổ chức công tác kế toán quản trị trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay/ Đỗ Văn Hiệp// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 42 – 44

Tóm tắt: Các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng hiện nay đang phải đối mặt với những sự cạnh tranh gay gắt để có thể tồn tại và phát triển bền vững. Do xuất phát từ yêu cầu về chất lượng công trình xây lắp, về sự nhạy bén với điều kiện cơ chế hiện nay cũng như về yêu cầu hội nhập ngày càng sâu rộng vì thế đưa ra những quyết định hợp lý và kịp thời là yêu cầu cần thiết đối với đội ngũ những người quản lý. Một trong những cách thức để làm tốt điều này đó là nâng cao vai trò hơn nữa của Kế toán quản trị (KTQT) trong phục vụ mục tiêu quản lý.

Từ khóa: Kế toán quản trị; Doanh nghiệp xây lắp; Doanh nghiệp nhỏ và vừa

11. Bàn về phân tích tăng trưởng bền vững của ngân hàng thương mại/ Phạm Thị Quyên// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 45 – 47

Tóm tắt: Tăng trưởng bền vững là sự tăng trưởng từ nội lực thông qua tái đầu tư lợi nhuận làm gia tăng vốn chủ sở hữu. Để đạt được mục tiêu tối đa hóa khả năng tăng trưởng bền vững đòi hỏi các ngân hàng thương mại cần tiến hành phân tích sự tác động của các nhân tố đến tăng trưởng bền vững để có các quyết định phù hợp trong từng điều kiện cụ thể.

Từ khóa: Tăng trưởng; Tăng trưởng bền vững; Phân tích; Ngân hàng thương mại

12. Kiểm soát nội bộ chi phí trong các ngân hàng thương mại/ Trần Phương Thùy, Nguyễn Bích Liên// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 52 – 55

Tóm tắt: Ngân hàng thương mại (NHTM) cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng với nghiệp vụ cơ bản là nhận tiền gửi, cho vay và cung ứng các dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước. Với sự lớn mạnh cả về quy mô và tầm ảnh hưởng, muốn phát triển toàn diện và bền vững thì bản thân các NHTM cần quan tâm tới kiểm soát chi phí trong hoạt động kinh doanh của mình. Bài viết đề cập tới vai trò và việc xây dựng, áp dụng kiểm soát nội bộ chi phí trong các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Từ khóa: Kiểm soát nội bộ; Ngân hàng thương mại

13. Tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam/ Lê Thanh Hà, Hoàng Thị Phương Lan// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 56 – 60

Tóm tắt: Việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu cũng như hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI là hai vấn đề không còn mới trong các nghiên cứu trong và ngoài nước. Tuy nhiên, hai vấn đề này không tồn tại một cách độc lập mà có mối quan hệ qua lại với nhau. Tham gia càng sâu vào các hoạt động của chuỗi giá trị toàn cầu sẽ tạo điều kiện cho hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI dễ dàng hình thành và phát triển. Vậy có nên chống hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI bằng cách hạn chế mức độ cũng như các cách thức tham gia chuỗi giá trị toàn cầu hay không? Đây chính là câu hỏi mà nhóm tác giả mong muốn đưa ra lời giải đáp trong phạm vi nghiên cứu của bài báo này.

Từ khóa: Hoạt động chuyển giá; Doanh nghiệp FDI; Chuỗi giá trị

14. Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2014 – Bước đột phá trong việc hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh ở Việt Nam hiện nay/ Nguyễn Hương Giang// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 61 – 62

Tóm tắt: Luật Doanh nghiệp (LDN) và Luật Đầu tư (LĐT) năm 2014 được xây dựng với tinh thần cải cách mạnh mẽ, trao quyền tự chủ nhiều hơn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp,

tăng tính linh hoạt, chủ động trong quản lý, điều hành doanh nghiệp, đặt yêu cầu cao hơn về tính minh bạch, công khai thông tin, bảo vệ các chủ sở hữu và trên hết là tiếp tục cải thiện, tiến đến hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thuận lợi, cởi mở, thông thoáng cho các hoạt động đầu tư kinh doanh ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Luật Doanh nghiệp; Luật Đầu tư; Môi trường đầu tư

15. Doanh nghiệp khởi nghiệp – Từ những khó khăn vướng mắc đến một số giải pháp/ Nguyễn Quỳnh Anh// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 63 – 66

Tóm tắt: Với việc thừa nhận vai trò to lớn của doanh nghiệp (DN) khởi nghiệp đối với sự phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm và đảm bảo an sinh xã hội. Nhà nước đã bắt đầu có những động thái về mặt chính sách để thúc đẩy khởi nghiệp. Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ DN đến năm 2020, Chính phủ đã nhấn mạnh cần tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ DN khởi nghiệp, DN đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên mỗi DN khởi nghiệp đều gặp không ít khó khăn, có tới 80% DN có nguy cơ đổ vỡ trong 2 năm đầu khởi nghiệp... Bài viết sẽ nêu ra một số khó khăn, những chính sách hỗ trợ từ phía Nhà nước, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm giúp cho DN khởi nghiệp phát triển bền vững.

Từ khóa: Doanh nghiệp; Chính sách tài chính; Khởi nghiệp; Tín dụng

16. Thực trạng môi trường kinh doanh ở Việt Nam và một số đề xuất/ Phạm Tuấn Hòa// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 67 – 68

Tóm tắt: Bộ Kế hoạch và Đầu tư vừa có một bản báo cáo về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết 19 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo đó, bản báo cáo cho thấy, thứ hạng môi trường kinh doanh Việt Nam đã vượt Philippines, nhưng vẫn chưa đạt được mức trung bình của ASEAN 4... phấn đấu đến hết năm 2017, Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN, xếp hạng tối thiểu thứ 80 trên thế giới theo đánh giá của Liên hiệp quốc tế về nhóm chỉ số dịch vụ công trực tuyến, hạ tầng viễn thông và nguồn nhân lực. Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong cải thiện môi trường kinh doanh nhưng năng lực cạnh tranh quốc gia của nước ta được các tổ chức quốc tế đánh giá và xếp hạng vẫn ở mức thấp so với nhiều nước trong khu vực. Nguyên nhân chính là do nhiều bộ, cơ quan, địa phương, doanh nghiệp chưa nhận thừa đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của việc nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng... Bài viết đánh giá thực trạng, đưa ra một số đề xuất nhằm cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam.

Từ khóa: Môi trường kinh doanh; Năng lực cạnh tranh; Ngân hàng thế giới trong phục vụ mục tiêu quản lý

17. Thực trạng học phí các trường đại học công lập ở nước CHDCND Lào và một số giải pháp/ Khamheng Bualaphanh// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 69 – 72

Tóm tắt: Học phí hay giá dịch vụ đào tạo đại học là khoản tiền mà người học hoặc gia đình người học phải trả cho việc trực tiếp hưởng thụ dịch vụ đào tạo đại học của người học. Thu học phí hay thu giá dịch vụ đào tạo đại học thể hiện sự chia sẻ chi phí đầu tư cho đào tạo đại học giữa người học hoặc gia đình người học với Nhà nước. Trước mục tiêu phát triển đào tạo đại học cả về quy mô và cả về chất lượng, học phí trở thành nguồn tài chính quan trọng để trang trải các chi phí hoạt động của các trường đại học công lập. Chính sách học phí đào tạo đại học ở CHDCND Lào chưa theo kịp trình độ phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu, yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu của xã hội về cơ cấu ngành nghề và kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn. Những năm tới CHDCND Lào nên xác định giá dịch vụ đào tạo đại học theo chuyên ngành hoặc nhóm ngành; từ đó, hoàn thiện chính sách giá dịch vụ đào tạo phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, nhóm đối tượng sinh viên, nhóm ngành đào tạo và mục tiêu, yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo đại học.

Từ khóa: Học phí; Giá dịch vụ đào tạo đại học

18. Tính nhất quán chương trình đào tạo sinh viên chính quy tại Học viện Tài chính/ Trần Thanh Thu, Trần Sách Đông// Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán .- Số 3/2017 .- Tr. 73 – 76

Tóm tắt: Sau khi chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, hoạt động tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học được thực hiện thông qua vai trò của các cố vấn học tập (giáo viên chủ nhiệm). Có ý kiến cho rằng chỉ có vai trò hỗ trợ, kết quả học tập của sinh viên phụ thuộc chủ yếu vào bản thân của sinh viên. Ý kiến này không sai khi cho rằng kết quả học tập là thành tựu sau một quá trình còn vai trò của cố vấn học tập chỉ mang tính chất thời điểm. Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh cao trong đào tạo cũng như trên thị trường lao động, năng lực của cố vấn học tập trở thành đòn bẩy cho quá trình trưởng thành về nhận thức và sự sẵn sàng với nghề nghiệp của sinh viên. Bài viết dưới đây, trên cơ sở làm rõ sự tương tác của các môn học trong chương trình đào tạo, hy vọng sẽ cung cấp những kiến thức hữu ích cho quá trình định hướng và hỗ trợ của các giáo viên chủ nhiệm đối với sinh viên chính quy tại Học viện Tài chính.

Từ khóa: Tính nhất quán; Đào tạo chính quy; Học viện Tài chính; Tài chính doanh nghiệp; Cố vấn học tập

Trung tâm Thông tin Thư viện